

CÔNG TY TNHH MTV DV&TM HƯNG THỊNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV DV&TM HƯNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110185272

3. Ngày thành lập: 18/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, Ngõ 228, đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934 575 516

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
9.	Bán mô tô, xe máy	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây.	4620
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế: Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện: Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc, tivi, máy giặt, phích điện, máy hút bụi.	4649
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép, inox (Không bao gồm: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662(Chính)
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
26.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
28.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng cây gia vị lâu năm; Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm.	0128
29.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
30.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
33.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
34.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
35.	Khai thác gỗ	0220
36.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
37.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
38.	Khai thác và thu gom than non	0520
39.	Khai thác dầu thô	0610
40.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
41.	Khai thác quặng sắt	0710
42.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
44.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
45.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
46.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619
47.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán	7020
48.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
49.	Quảng cáo	7310
50.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
51.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
52.	Cho thuê xe có động cơ	7710
53.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn khẩu trang y tế; Bán buôn khẩu trang vải; Bán buôn bao tay và trang thiết bị bảo hộ.	4690
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
56.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
57.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường	4723
58.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
59.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
60.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
61.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
62.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
63.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899

64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
65.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
66.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
67.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
68.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
69.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
70.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
71.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
72.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
73.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
74.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
75.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
76.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
77.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
78.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
79.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
80.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
81.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện	1629
82.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
83.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
84.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
85.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
86.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
87.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
88.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
89.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
90.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
91.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
92.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
93.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
94.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
95.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
96.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822

97.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ.	4781
98.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ.	4789
99.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
100.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
101.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020)	4932
102.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020)	4933
103.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
104.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
105.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
106.	Bốc xếp hàng hóa	5224
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
109.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.	5510
110.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh.	5610
111.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
112.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
113.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
114.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
115.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
116.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
117.	Đại lý du lịch	7911

118.	Điều hành tua du lịch	7912
119.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
120.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
121.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
122.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
123.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
124.	Thu gom rác thải độc hại	3812
125.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
126.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
127.	Tái chế phế liệu	3830
128.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
129.	Phá dỡ	4311
130.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
131.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
132.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
133.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc, tivi, máy giặt, phích điện, quạt, máy hút bụi...	4759
134.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
135.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
136.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí.	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THANH LOAN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 27/05/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030076010977

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 53 A8, TDP 17, Ngõ 120 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 53 A8, TDP 17, Ngõ 120 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH LOAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/05/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030076010977

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 53 A8, TDP 17, Ngõ 120 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 53 A8, TDP 17, Ngõ 120 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội